TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HỒNG LĨNH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 11/7/2023
V/v "*Hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG LĨNH - TỈNH HÀ TĨNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Đức Quang.

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Cần và ông Nguyễn Hồng Soa

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Phú Quý - Thư ký toà án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Lĩnh tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Lĩnh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11/7/2023. Tại hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST - HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp " *Hôn nhân và gia đình"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 06 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Văn x, sinh ngày 07/6/1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh ngày 28/11/1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Võ Văn X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Trần Thị T xây dựng gia đình với nhau dựa trên cở sở tình yêu tự nguyện và được đăng ký kết hôn vào ngày 24/8/2011 tại UBND phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Sau kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận hạnh phúc. Đến khoảng tháng 10 năm 2022 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị T đánh bài bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và bất đồng về quan điểm lối sống, dẫn đến chị T thiếu quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã lẫn nhau, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, hôn nhân hạnh phúc không đạt được và đã sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay, nên tôi yêu cầu được ly hôn chị Trần Thị T.

Về con chung: Tôi và chị T có 1 con chung là Võ Nhật N, sinh ngày 26/6/2011. Nếu vợ chồng ly hôn anh thống nhất giao con chung Võ Nhật N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến lúc con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Võ Văn X trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra anh X trình bày, chị T đã bỏ nhà đi từ khoảng tháng 5 năm 2023, anh X không biết chị T hiện đang ở đâu, làm gì và anh X cũng không liên lạc được với chị T. Do đó anh X có nguyện vọng về việc nuôi dưỡng con chung cháu Võ Nhật N, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Đối với chị Trần Thị T, tại bản tự khai đề ngày 02 tháng 3 năm 2023, chị Trần Thị T trình bày chị kết hôn với anh Võ Văn X dựa trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 24/8/2011 tại UBND phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 9 năm thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do về kinh tế, bất đồng về quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng xảy ra cải vã lẫn nhau và đã sống ly thân nhau từ thời điểm xảy ra mâu thuẫn đến nay. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh X.

Về con chung: Chị Trần Thị T trình bày thống nhất với anh Võ Văn X, vợ chồng có 1 con chung là Võ Nhật N, sinh ngày 26/6/2011. Chị có nguyên vọng được nuôi con và yêu cầu anh X cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn phản tố đề ngày 20 tháng 3 năm 2023 cũng như bản tự khai có tại hồ sơ chị Tuấn yêu cầu Toà án phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm: 01ti vi trị giá: 16.000.000 đồng, bộ bàn ghế phòng khách trị giá: 36.000.000 đồng, ghế mát xa trị giá: 12.000.000 đồng, kệ tủ ti vi trị giá: 15.000.000 đồng, xe máy trị giá: 35.000.000 đồng, xe điện trị giá: 19.000.000 đồng, xe đạp trị giá: 3.000.000 đồng, bàn trang điểm trị giá: 4.000.000 đồng, két sắt trị giá: 1.500.000 đồng, 02 tủ áo quần trị giá: 5.000.000 đồng, 02 giường ngủ trị giá: 7.000.000 đồng, 02 nồi cơm điện trị giá 4.000.000 đồng, bếp ga trị giá: 1.000.000 đồng, chăn ga, gối, nệm trị giá: 5.000.000 đồng, máy giặt trị giá: 12.000.000 đồng, nồi, bát đũa trị giá: 5.000.000 đồng, máy lọc nước trị giá: 8.000.000 đồng, điều hòa trị giá: 8.000.000 đồng, máy lạnh trị giá: 2.500.000 đồng, tủ bếp trị giá: 18.000.000 đồng, tủ lạnh trị giá: 7.000.000 đồng, tranh gỗ treo tường trị giá: 7.000.000 đồng, Lò nướng và lò vi sóng trị giá: 4.000.000 đồng, bộ bàn ghế ăn trị giá: 7.000.000 đồng. Số tài sản này chị T yêu cầu chia đôi cho vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc xác minh về việc vắng mặt của chị Trần Thị T tại địa phương, kết quả: chị Tuấn đã đi khỏi địa phương từ khoảng tháng 5/2023, hiện chị T không có mặt tại nơi cư trú, ở đâu, làm gì địa phương không rõ và chị T chưa cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác.

* Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về tố tụng và đề xuất đường lối giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là cơ bản đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Võ Văn X đã thực hiện đúng các

quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chị Trần Thị T vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập cũng như tại phiên tòa lần thứ nhất và phiên tòa lần thứ hai là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn X, cho anh Võ Văn X được ly hôn chị Trần Thị T. Giao cháu Võ Nhật N cho anh X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu phản tố về chia tài sản chung của chị Trần Thị T, trả lại tạm ứng án phí DSST mà chị T đã nộp số tiền 6.800.000 đồng. Về án phí, buộc anh Võ Văn X phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện tranh chấp về " Hôn nhân và gia đình" giữa nguyên đơn anh Võ Văn X và bị đơn chị Trần Thị T đều ở phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị T đã nhận thông báo thụ lý vụ án và đến Toà án viết bản tự khai theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên Toà án đã 3 lần ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đồng thời tống đạt hợp lệ cho anh X, chị T nhưng tất cả các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải chỉ có anh X có mặt và chị T vắng mặt không có lý do nên Toà án đã lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và lập biên bản không hoà giải được theo đúng quy định của pháp luật lưu vào hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết. Toà án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử 04/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 06 năm 2023, cử thư ký đến tận nhà tống đạt cho chị T nhưng chị T không có mặt ở nhà, Toà án đã tiến hành niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Toà án đã tiến hành xác minh, theo chính quyền địa phương cung cấp chị T đã đi khỏi địa phương từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay, hiện không có mặt tại địa phương. Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 22 tháng 6 năm 2023 chị T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ban hành Quyết định hoãn phiên toà và niêm yết hợp lệ cho chị T. Tại phiên toà lần thứ hai hôm nay chị T vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Võ Văn X và chị Trần Thị T kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tình yêu tự nguyện và được đăng ký kết hôn vào ngày 24/8/2011 tại UBND phường N, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, cần phải được pháp luật bảo vệ. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh

phúc. Đến tháng 10 năm 2022 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khó khăn vướng mắc về kinh tế và bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải vã lẫn nhau, thiếu quan tâm chăm sóc nhau nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích xây dựng hôn nhân hạnh phúc không đạt được và đã sống ly thân nhau. Vì vậy cần áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Võ Văn X được ly hôn chị Trần Thị T.

- *Về con chung*: Tại các bản tự khai có tại hồ sơ vụ án anh X, chị T trình bày vợ chồng có 01 con chung là Võ Nhật N, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2011. Các bên trình bày cùng quan điểm giao con cho chị Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Còn về phần cấp dưỡng nuôi con, anh X trình bày anh cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho chị T để nuôi con chung nhưng chị T yếu cầu anh X cấp dưỡng mỗi tháng 2.500.000 đồng. Tại các buổi hoà giải chị T vắng mặt nên không thể hoà giải được về mối quan hệ này. Tại biên bản nghi lời khai có tại hồ sơ cũng như tại phiên toà hôm nay anh X trình bày chị T đã đi khỏi địa phương, anh không biết chị T đi đâu làm gì nên anh có nguyện vọng được nuôi con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Lời trình bày của anh X hoàn toàn phù hợp với biên bản xác minh của Toà án tại chính quyền địa phương phường Nam Hồng, thể hiện chị T đã đi khỏi địa phương từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay, hiện không có mặt tại địa phương. Tại đơn trình bày nguyện vọng, cháu Võ Nhật N có nguyện vọng được ở với chị T và xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc với Toà án. Tuy nhiên tại đơn trình bày bổ sung ngày 10 tháng 7 năm 2023 cháu Võ Nhật N trình bày mẹ cháu hiện nay không có mặt tại địa phương, cháu đang ở với bố nên cháu có nguyện vọng được bố tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay chị T đã đi khỏi địa phương, không biết ở đâu, làm gì. Vì vậy, để đảm cho cháu N có người chăm sóc, phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần nên cần thiết giao cháu Võ Nhật N cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con như nguyện vọng của anh X, cháu N là hoàn toàn chính đáng đúng quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Võ Văn X trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Tại đơn phản tố đề ngày 20 tháng 3 năm 2023 chị Tuấn yêu cầu Toà án chia đôi tài sản chung của vợ chồng gồm các tài sản như phần nội dung của vụ án mà chị Tuấn trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt Thông báo nộp tiền chi phí thẩm định, định giá hợp lệ cho chị T nhưng chị T không đến Toà án để nộp tiền chi phí thẩm định, định giá mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ và tại các buổi hoà giải cũng như phiên toà lần thứ nhất và tại phiên tòa lần thứ hai hôm nay chị T cũng vắng mặt không có lý do. Toà án đã tiến hành xác minh nhưng hiện nay chị T không có mặt tại địa phương. Mặt khác ngày 12/5/2023 anh Hoàng Viết D (Theo anh D trình bày là anh em họ hàng với chị Tuấn) đến Tòa án nộp đơn xin rút đơn yêu cầu phản tố về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Đơn được đánh máy người ký đơn nghi tên chị Trần Thị T nhưng đối chiếu với chữ ký trong bản tự khai của chị Tuấn có tại hồ sơ nhìn bằng mắt thường thì không phải chữ ký của chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng không cần thiết phải giám định chữ ký " T" trong đơn xin rút đơn yêu cầu

phân chia tài sản và chữ ký, chữ viết trong bản tự khai của chị Tcó tại hồ sơ vụ án có phải do một người viết ra hay không mà chỉ cần căn cứ vào các chứng cứ khác có tại hồ sơ cũng đảm bảo giải quyết được vụ án, khách quan đúng pháp luật. Mặc dầu, anh Hoàng Viết D cam đoan nội dung đơn do chị T viết và ký vào nhưng anh D không xuất trình được tài liệu nào liên quan đến việc chị Tuấn ủy quyền cho anh D nộp đơn nên việc chị T nộp đơn xin rút đơn yêu cầu phản tố về phân chia tài sản chung khi ly hôn là không đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét việc rút đơn này của chị Trần Thị T mà chỉ xem xét việc chị T có đơn yêu cầu phản tố nhưng không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác, cũng như việc chị T có đơn yêu cầu phản tố và vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có người đại diện, không có đơn xin xử vắng mặt thì bị coi là từ bỏ yêu cầu phản tố nên cần phải đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phản tố chia tài sản chung của bị đơn chị Trần Thị T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 và điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Anh Võ Văn X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; Những người tham gia tố tụng và việc đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật, nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm đ khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 219; điểm b, c khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Võ Văn X được ly hôn chị Trần Thị T.

2. *Về quan hệ con chung:* Giao con chung là cháu Võ Nhật N, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2011cho anh Võ Văn X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* Nguyên đơn anh Võ Văn X trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Trần Thị T về việc yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng. Chị Trần Thị T có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4. *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí

Tòa án năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc anh Võ Văn X phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh X đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004346, ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án phí dân sự thẩm anh X đã nộp đủ.

Trả lại cho chị Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung của vợ chồng 6.800.000 đồng mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004350, ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

5. *Về quyền kháng cáo:* Anh Võ Văn X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Trần Thị Tuấn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Hà Tĩnh*;
- *VKSND thị xã Hồng Lĩnh;*
- *VKSND tỉnh Hà Tĩnh*
- *Chi cục THADS Hồng Lĩnh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường Nam Hồng;*
- *Lưu hồ sơ, văn thư;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Đức Quang